

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**Deloitte
STORED**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

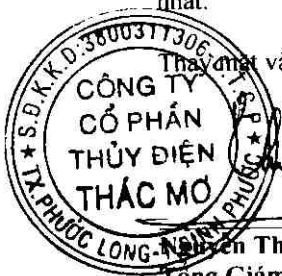
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Số: 186 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 17 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được một công ty kiểm toán khác soát xét và phát hành báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính ngày 22 tháng 8 năm 2013 với kết luận chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 26 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1529-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		688.499.796.690	484.556.754.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	277.073.581.611	212.873.059.571
1. Tiền	111		2.761.464.185	5.160.778.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		274.312.117.426	207.712.281.247
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.148.141.795	115.848.141.795
1. Đầu tư ngắn hạn	121		80.148.141.795	115.848.141.795
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		275.541.686.730	103.092.697.423
1. Phải thu khách hàng	131		234.062.550.487	63.553.915.778
2. Trả trước cho người bán	132		15.905.999.537	6.021.830.293
3. Các khoản phải thu khác	135	5	38.466.659.537	33.598.637.016
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.893.522.831)	(81.685.664)
IV. Hàng tồn kho	140	6	51.755.978.429	49.144.324.076
1. Hàng tồn kho	141		51.755.978.429	49.144.324.076
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.980.408.125	3.598.531.940
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	198.830.908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.320.040.125	2.955.878.032
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.660.368.000	443.823.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 220+250+260)	200		917.542.080.703	972.208.694.783
I. Tài sản cố định	220		759.386.337.436	813.210.759.969
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	630.517.479.236	700.228.069.096
- Nguyên giá	222		2.173.386.811.782	2.172.378.139.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.542.869.332.546)	(1.472.150.070.703)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	11.968.687.951	12.338.577.471
- Nguyên giá	228		15.183.457.760	15.252.657.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.214.769.809)	(2.914.080.289)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	116.900.170.249	100.644.113.402
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		157.335.952.986	158.178.144.533
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	8.498.144.533	6.098.144.533
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	152.080.000.000	152.080.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	12	(3.242.191.547)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		819.790.281	819.790.281
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		695.248.388	695.248.388
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.606.041.877.393	1.456.765.449.588

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		691.454.471.962	483.743.361.149
I. Nợ ngắn hạn	310		383.998.636.560	248.973.525.747
1. Vay ngắn hạn	311	13	26.550.000.000	117.336.000.000
2. Phải trả người bán	312		10.961.605.147	27.301.066.836
3. Người mua trả tiền trước	313		18.438.000	18.438.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	78.907.244.460	47.523.924.845
5. Phải trả người lao động	315		19.794.631.065	18.743.622.502
6. Chi phí phải trả	316	15	76.914.472.621	14.094.221.813
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	160.084.379.553	16.954.614.988
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10.767.865.714	7.001.636.763
II. Nợ dài hạn	330		307.455.835.402	234.769.835.402
1. Vay dài hạn	334	17	307.424.195.402	234.738.195.402
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		31.640.000	31.640.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		879.761.382.229	937.186.831.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	879.761.382.229	937.186.831.672
1. Vốn cổ phần	411		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		56.454.368.091	56.454.368.091
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(170.802.403)	(170.802.403)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.974.686.436	46.889.661
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.251.370.991	24.251.370.991
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		94.251.759.114	156.605.005.332
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIẾU SÓ	439	19	34.826.023.202	35.835.256.767
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.606.041.877.393	1.456.765.449.588


Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	333.288.586.727	216.316.726.401
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		333.288.586.727	216.316.726.401
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	181.588.236.694	113.819.783.454
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		151.700.350.033	102.496.942.947
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		14.088.534.427	8.633.107.238
6. Chi phí tài chính	22	24	23.529.205.175	28.329.086.240
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.287.013.628	28.329.086.240
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.256.992.099	9.460.397.102
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		115.002.687.186	73.340.566.843
9. Thu nhập khác	31		472.045.455	962.685.703
10. Chi phí khác	32		938.335.471	27.747.128
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(466.290.016)	934.938.575
12. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		-	10.991.080
13. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		114.536.397.170	74.286.496.498
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	24.226.149.178	17.715.029.538
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(43.648.641)
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		90.310.247.992	56.615.115.601
Phân bổ cho:				
- Lợi ích cổ đông thiểu số	61		2.293.093.386	1.673.903.843
- Cổ đông của công ty mẹ	62		88.017.154.606	54.941.211.758
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.257	785


Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

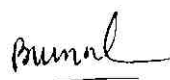
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MÃU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	114.536.397.170	74.286.496.498
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	72.744.043.543	69.331.654.898
Các khoản dự phòng	03	16.054.028.714	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.513.433.100)	(8.633.107.238)
Chi phí lãi vay	06	20.287.013.628	28.329.086.240
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	209.108.049.955	163.314.130.398
Thay đổi các khoản phải thu	09	(169.536.454.140)	(2.291.653.173)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.611.654.353)	(15.572.059.024)
Thay đổi các khoản phải trả	11	52.371.426.980	(1.211.571.881)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	198.830.908	(637.395.207)
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.946.995.701)	(24.113.698.765)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.238.231.111)	(17.624.447.818)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	100.145.490
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.134.721.049)	(4.075.073.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	58.210.251.489	97.888.376.176
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.813.443.078)	(15.404.495.001)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	472.045.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(51.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.700.000.000	1.801.172.777
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.400.000.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.330.568.574	8.539.823.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.289.170.951	(57.863.498.715)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	257.079.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(275.179.000.000)	(47.562.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.198.900.400)	(168.936.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.298.900.400)	(47.730.936.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	64.200.522.040	(7.706.058.539)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	212.873.059.571	199.517.254.347
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	277.073.581.611	191.811.195.808


Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng

 Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÀU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4403000108 ngày 01 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800311306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Phát điện 2 – Cổ đông Nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18 tháng 6 năm 2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 194 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 193 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp; kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy; cho thuê phương tiện giao thông; kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải vay, các khoản trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 20
Thiết bị, văn phòng	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thương hiệu Cosevco do Tổng công ty Xây dựng Miền Trung góp vốn và phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí trong thời gian lần lượt là 10 năm và 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên, hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên và Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Trong đó, bên liên quan của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất gồm công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	962.075.288	597.782.320
Tiền gửi ngân hàng	1.799.388.897	4.562.996.004
Các khoản tương đương tiền	274.312.117.426	207.712.281.247
	277.073.581.611	212.873.059.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với thời hạn không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	13.117.801.623	10.512.857.795
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.749.260.242	10.749.260.242
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.757.965.853	-
Tài sản chờ xử lý (**)	8.070.760.171	8.070.760.171
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.421.000.000	1.624.000.000
Phải thu khác	3.349.871.648	2.641.758.808
	38.466.659.537	33.598.637.016

(*) Theo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk ngày 14 tháng 11 năm 2012, công ty sẽ giải thể và thanh lý tài sản. Các khoản góp vốn sẽ được hoàn trả cho cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk được phân loại lại thành khoản phải thu ngắn hạn khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(**) Đây là các khoản công nợ phải thu tồn đọng từ trước giai đoạn cổ phần hóa của Công ty Thủy điện Đăkrosa nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	48.057.549.634	46.377.336.164
Công cụ, dụng cụ	272.847.359	248.785.435
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.425.581.436	2.518.202.477
	51.755.978.429	49.144.324.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	1.444.419.541.393	601.222.734.152	117.147.308.651	9.588.555.603	2.172.378.139.799
Mua sắm mới	-	1.513.931.400	1.007.134.545	189.645.000	2.710.710.945
Thanh lý	-	-	(1.667.102.600)	-	(1.667.102.600)
Xóa sổ	-	-	-	(34.936.362)	(34.936.362)
Tại ngày 30/6/2014	1.444.419.541.393	602.736.665.552	116.487.340.596	9.743.264.241	2.173.386.811.782
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	766.639.360.997	595.849.985.716	100.649.682.119	9.011.041.871	1.472.150.070.703
Khấu hao trong kỳ	65.939.561.511	609.679.246	5.736.242.177	88.671.089	72.374.154.023
Giảm do thanh lý	-	-	(1.619.955.818)	-	(1.619.955.818)
Xóa sổ	-	-	-	(34.936.362)	(34.936.362)
Tại ngày 30/6/2014	832.578.922.508	596.459.664.962	104.765.968.478	9.064.776.598	1.542.869.332.546
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	611.840.618.885	6.277.000.590	11.721.372.118	678.487.643	630.517.479.236
Tại ngày 31/12/2013	677.780.180.396	5.372.748.436	16.497.626.532	577.513.732	700.228.069.096

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài cơ định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 46.515.808.880 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2013: 47.522.595.444 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 614.877.384.000 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2013: 434.815.874.094 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	13.183.457.760	2.000.000.000	69.200.000	15.252.657.760
Xóa sổ	-	-	(69.200.000)	(69.200.000)
Tại ngày 30/6/2014	13.183.457.760	2.000.000.000	-	15.183.457.760
GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.244.880.289	1.600.000.000	69.200.000	2.914.080.289
Khấu hao trong kỳ	169.889.520	200.000.000	-	369.889.520
Xóa sổ	-	-	(69.200.000)	(69.200.000)
Tại ngày 30/6/2014	1.414.769.809	1.800.000.000	-	3.214.769.809
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	11.768.687.951	200.000.000	-	11.968.687.951
Tại ngày 31/12/2013	11.938.577.471	400.000.000	-	12.338.577.471

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án Thủy điện Đại Nga	116.232.140.373	100.644.113.402
Khác	668.029.876	-
	116.900.170.249	100.644.113.402

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng	99.92%	99.92%	Thủy điện - đang xây dựng
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắkrosa	Gia Lai	61.52%	61.52%	Thủy điện

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	Bình Thuận	20.59%	20.59%	Phong điện - đang xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	41.486.239.672	29.929.923.027
Tổng công nợ	64.635.101	39.200.361
Tài sản thuần	41.421.604.571	29.890.722.666
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>8.498.144.533</u>	<u>6.098.144.533</u>

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ Điện Đồng Nai	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	149.580.000.000	149.580.000.000
	<u>152.080.000.000</u>	<u>152.080.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.242.191.547)	-
	<u>148.837.808.453</u>	<u>152.080.000.000</u>

13. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay dài hạn đến hạn trả, chi tiết như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	17.500.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	63.936.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	35.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	9.050.000.000	18.100.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Kom Tum	-	300.000.000
	<u>26.550.000.000</u>	<u>117.336.000.000</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	9.558.037.767	1.829.022.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.016.238.170	7.028.320.103
Thuế thu nhập cá nhân	29.217.047	95.983.611
Thuế tài nguyên	5.742.452.776	2.079.002.571
Phí dịch vụ môi trường rừng	44.561.298.700	36.491.596.440
	<u>78.907.244.460</u>	<u>47.523.924.845</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay phải trả	19.434.239.740	14.094.221.813
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	56.893.572.868	-
Trích trước chi phí vận hành, bảo dưỡng	586.660.013	-
	<u>76.914.472.621</u>	<u>14.094.221.813</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	-	30.439.120
Bảo hiểm xã hội	19.866.187	40.326.024
Phải trả cổ tức cho cổ đông	155.035.900.413	13.174.274.813
Các khoản phải trả khác	2.393.166.085	1.074.128.163
Công ty Cổ phần Tổng công ty Miền Trung	2.635.446.868	2.635.446.868
	<u>160.084.379.553</u>	<u>16.954.614.988</u>

17. VAY DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (1)	257.079.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2)	15.725.248.446	106.554.248.446
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	175.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (3)	61.169.946.956	70.219.946.956
Ngân hàng Ngoại thương Kom Tum	-	300.000.000
Tổng các khoản vay dài hạn	<u>333.974.195.402</u>	<u>352.074.195.402</u>
Trong đó:		
- Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 13)	(26.550.000.000)	(117.336.000.000)
Tổng cộng	<u>307.424.195.402</u>	<u>234.738.195.402</u>

- (1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, theo Hợp đồng tín dụng số 14420023/2014 - HĐDDA/NHCT504-THACMO ngày 10 tháng 4 năm 2014 với mục đích trả nợ vay cho Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi vay được điều chỉnh và thanh toán 03 tháng một lần, nợ gốc được thanh toán 06 tháng 1 kỳ.
- (2) Khoản vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam theo Hợp đồng cho vay lại số 01/EVN-Thacmo/TCKT ngày 02 tháng 01 năm 2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà Nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 10 tháng 10 năm 2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ. Từ năm 2011 đến năm 2015, lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng, bao gồm Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân Hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn cộng chi phí biên.
- (3) Là khoản vay giữa công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa với 2 Chi nhánh Ngân hàng là Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai và Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hoàng Quốc Việt theo các hợp đồng vay sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Hợp đồng số 89/HĐTD ngày 05 tháng 01 năm 2014, mục đích vay để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của dự án Nhà máy thủy điện Đăkrosa, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai công bố.

- Hợp đồng số 68/HĐTD ngày 26 tháng 5 năm 2010, mục đích vay để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của dự án Nhà máy thủy điện Đăkrosa 2, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai công bố.

Tài sản đảm bảo của hai hợp đồng này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	26.550.000.000	117.336.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	150.400.000.000	214.447.567.304
Sau năm năm	157.024.195.402	20.290.628.098
	333.974.195.402	352.074.195.402
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 13 phần Vay ngắn hạn)	26.550.000.000	117.336.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	307.424.195.402	234.738.195.402

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn cổ phần****Được phép phát hành và đã góp đủ vốn**

Số lượng (cổ phần)

Mệnh giá (đồng/cổ phần)

Giá trị (đồng)

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên cổ đông	30/6/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tông Công ty Phát điện 2	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	273.151.100.000	39,02	248.322.300.000	35,47
Khác	63.433.900.000	9,06	88.262.700.000	12,61
	700.000.000.000	100	700.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa		
Vốn điều lệ của Công ty con	79.539.690.000	79.539.690.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	48.934.430.000	48.934.430.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông thiểu số	30.605.260.000	30.605.260.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	38,48%	38,48%
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên		
Vốn điều lệ của Công ty con	137.500.000.000	137.500.000.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	137.390.000.000	137.390.000.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông thiểu số	110.000.000	110.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	0,08%	0,08%
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	362.038.282.617	342.324.433.733
Tổng nợ phải trả	(134.006.189.122)	(111.675.516.177)
Tài sản thuần	228.032.093.495	230.648.917.556
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	217.039.690.000	217.039.690.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(170.945.915)	(170.945.915)
Các quỹ khác	936.676.379	36.676.379
Lợi nhuận chưa phân phối	10.226.673.031	13.743.497.092
Lợi ích của cổ đông thiểu số	34.826.023.202	35.835.166.767
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	30.605.260.000	30.606.782.712
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(143.512)	(143.512)
Các quỹ khác	360.414.079	14.112.327
Lợi nhuận chưa phân phối	3.860.492.635	5.214.415.240
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trong kỳ	5.959.492.687	4.258.169.342
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	2.293.093.386	1.673.903.843

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu bán điện	332.492.562.531	210.783.840.969
Doanh thu cung cấp dịch vụ	796.024.196	5.532.885.432
	333.288.586.727	216.316.726.401

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn sản xuất điện	181.212.452.071	109.046.429.472
Giá vốn dịch vụ cung cấp	375.784.623	4.773.353.982
	181.588.236.694	113.819.783.454

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.508.410.946	2.274.511.836
Chi phí nhân công	24.613.036.377	15.639.453.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.744.043.543	69.331.654.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.334.522.070	1.198.777.811
Chi phí sửa chữa lớn	58.537.395.868	13.554.574.360
Chi phí khác	49.107.819.989	21.206.203.347
	208.845.228.793	123.205.176.011

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi vay	20.287.013.628	28.329.086.240
Dự phòng đầu tư dài hạn	3.242.191.547	-
	23.529.205.175	28.329.086.240

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	114.536.397.170	74.286.496.498
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.614.444.872	240.290.576
Trừ: thu nhập không chịu thuế	-	(10.991.080)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.614.444.872	251.281.656
Thu nhập chịu thuế	116.150.842.042	74.526.787.074
Thu nhập chịu thuế suất 25% năm 2013 và 22% năm 2014	108.344.747.506	69.943.450.925
Thu nhập chịu thuế suất 10%	7.806.094.536	4.583.336.149
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	24.616.453.905	17.944.196.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 25% năm 2013 và 22% năm 2014	23.835.844.451	17.485.862.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 10%	780.609.454	458.333.615
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(390.304.727)	(229.166.808)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>24.226.149.178</u>	<u>17.715.029.538</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2013: 25%) tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty con Đăkrosa được hưởng một số ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại phần H của thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ như sau

- Đối với Dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu (năm 2007)

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có doanh thu

Theo đó, từ năm 2007 đến năm 2010, công ty được miễn thuế, từ năm 2010 đến năm 2021 được áp dụng thuế suất 10% và từ năm 2011 đến năm 2019, được giảm 50% số thuế phải nộp.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Đồng)	88.017.154.606	54.941.211.758
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng)	88.017.154.606	54.941.211.758
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.257</u>	<u>785</u>

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	333.974.195.402	352.074.195.402
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	277.073.581.611	212.873.059.571
Nợ thuần	56.900.613.791	139.201.135.831
Vốn chủ sở hữu	879.761.382.229	937.186.831.672
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,06	0,15

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	277.073.581.611	212.873.059.571
Phải thu khách hàng và phải thu khác	259.635.687.193	97.070.867.130
Khoản đầu tư ngắn hạn	80.148.141.795	115.848.141.795
Khoản đầu tư dài hạn	148.837.808.453	152.080.000.000
	765.695.219.052	577.872.068.496
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	333.974.195.402	352.074.195.402
Phải trả người bán và phải trả khác	14.840.218.100	31.010.641.867
Chi phí phải trả	76.914.472.621	14.094.221.813
	425.728.886.123	397.179.059.082

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm/tăng 3.339.741.954 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 3.520.741.954 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải vì mục đích kinh doanh mà cho chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ các công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 2 - 5 năm <u>VND</u>	Trên 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
30/6/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	277.073.581.611	-	-	277.073.581.611
Phải thu khách hàng và phải thu khác	259.635.687.193	-	-	259.635.687.193
Khoản đầu tư ngắn hạn	80.148.141.795	-	-	80.148.141.795
Khoản đầu tư dài hạn	-	-	148.837.808.453	148.837.808.453
	616.857.410.599	-	148.837.808.453	765.695.219.052
30/6/2014				
Các khoản vay	26.550.000.000	150.400.000.000	157.024.195.402	333.974.195.402
Phải trả người bán và phải trả khác	14.840.218.100	-	-	14.840.218.100
Chi phí phải trả	76.914.472.621	-	-	76.914.472.621
	118.304.690.721	150.400.000.000	157.024.195.402	425.728.886.123
Chênh lệch thanh khoản thuần	498.552.719.878	(150.400.000.000)	(8.186.386.949)	339.966.332.929
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.873.059.571	-	-	212.873.059.571
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.070.867.130	-	-	97.070.867.130
Khoản đầu tư ngắn hạn	115.848.141.795	-	-	115.848.141.795
Khoản đầu tư dài hạn	-	-	152.080.000.000	152.080.000.000
	425.792.068.496	-	152.080.000.000	577.872.068.496
31/12/2013				
Các khoản vay	117.336.000.000	214.447.567.304	20.290.628.098	352.074.195.402
Phải trả người bán và phải trả khác	31.010.641.867	-	-	31.010.641.867
Chi phí phải trả	14.094.221.813	-	-	14.094.221.813
	162.440.863.680	214.447.567.304	20.290.628.098	397.179.059.082
Chênh lệch thanh khoản thuần	263.351.204.816	(214.447.567.304)	131.789.371.902	180.693.009.414

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Tổng Công ty Phát điện 2
Công ty Mua bán điện
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
Trung tâm Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện Lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
Chủ sở hữu
Đơn vị cùng Tập đoàn
Đơn vị cùng Tập đoàn
Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Bán hàng		
Công ty Mua bán điện	309.473.098.801	190.642.367.949
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.253.755.662	7.518.331.718
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	6.335.038.891	13.188.437.500
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	2.400.000.000	1.000.000.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	<u>1.218.125.777</u>	<u>1.173.250.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ứng trước cho người bán		
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	30.483.358	-
Phải thu khách hàng		
Công ty Mua bán điện	225.612.026.826	53.862.009.725
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	92.094.767
Phải trả		
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	-	180.392.831
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	48.150.977
Các khoản vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.725.248.446	106.554.248.446
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	175.000.000.000
Phải trả cổ tức		
Tổng Công ty Phát điện 2	72.683.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	13.744.483.373	9.490.272.711
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	<u>-</u>	<u>4.336.888.887</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Buon

Bùi Thị Kim Na
Người lập biểu

huynh

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2014

